PHIẾU BÀI TẬP TIẾNG ANH LỚP 2

Review 3 · Unit 9–12 (SGK tr. 54–56)

Tuần 26

Họ và tên: ..... Lớp: .....

Bài 1: Look and write (nhìn hình, viết từ)

z__bra	gr__pes	c__ke	__uice

Bài 2: Vocabulary (từ vựng): điền chữ cái còn thiếu (đọc nghĩa trong ngoặc)

__ams (khoai mỡ) dr__ving (đang lái xe) __oo (sở thú)

y__gurt (sữa chua)

Bài 3: Look, read and write – chọn từ trong khung, viết vào chỗ trống

zoo driving cake yams

1. I want some .....
2. Do you like the .....?
3. They're ..... cars.
4. The ..... is on the table.

Bài 4: Match (nối): từ hoặc câu tiếng Anh với nghĩa tiếng Việt

1. grapes	a. sữa chua
2. yogurt	b. cái bàn
3. table	c. ngựa vằn
4. zebra	d. nho

Bài 5: Circle (khoanh): chọn từ hoặc câu đúng

1. Bé muốn ăn nho. I want some ___. (A) yams (B) yogurt (C) grapes
2. Do you like the zoo? – No, I ___. (A) do (B) don't
3. Các chú đang lái ô tô. They're ___ cars.
   (A) sliding (B) driving (C) riding
4. Cái bánh ở trên bàn. The cake is ___ the table. (A) at (B) is (C) on

Bài 6: Copy the words – chép 2 từ

Chép mỗi từ một dòng: cake driving

Chưa cần viết câu.

onthi.app
Ôn Thi · phiếu bài tập miễn phí, có đáp án

ĐÁP ÁN — TIẾNG ANH LỚP 2

Dành cho bố mẹ, thầy cô chấm bài

Tuần 26

Bài 1: Look and write (nhìn hình, viết từ)

🦓 – **zebra** 🍇 – **grapes** 🎂 – **cake** 🧃 – **juice**

Bài 2: Vocabulary (từ vựng): điền chữ cái còn thiếu (đọc nghĩa trong ngoặc)

yams (khoai mỡ) d**r**iving (đang lái xe) **z**oo (sở thú) y**o**gurt (sữa chua)

Bài 3: Look, read and write – chọn từ trong khung, viết vào chỗ trống

1. I want some **yams**.

2. Do you like the **zoo**?

3. They're **driving** cars.

4. The **cake** is on the table.

Bài 4: Match (nối): từ hoặc câu tiếng Anh với nghĩa tiếng Việt

1 – **d** 2 – **a** 3 – **b** 4 – **c**

Bài 5: Circle (khoanh): chọn từ hoặc câu đúng

1. **C** (grapes) 2. **B** (don't) 3. **B** (driving) 4. **C** (on)

Bài 6: Copy the words – chép 2 từ

cake driving

onthi.app
Ôn Thi · phiếu bài tập in miễn phí, có đáp án